

Số: 3301 /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 19 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung lĩnh vực trồng trọt thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn thành phố Hải Phòng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính Phủ: Số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ: Số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; số 01/2018/TT-VPCP ngày 05/12/2018 hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 3085/QĐ-BNN-TT ngày 13/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực trồng trọt thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 156/TTr-SNN ngày 19/9/2024.



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung lĩnh vực trồng trọt thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn thành phố Hải Phòng (có danh mục cụ thể kèm theo).

Điều 2. Giao Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính tổ chức thực hiện việc công khai danh mục và nội dung thủ tục hành chính lĩnh vực trồng trọt; xây dựng quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính và cập nhật trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố và Dịch vụ công trực tuyến thành phố theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Bãi bỏ nội dung công bố tại số thứ tự 1, mục I, phần D Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết cấp xã ban hành kèm theo Quyết định số 644/QĐ-UBND ngày 14/3/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, xã, phường, thị trấn trên địa bàn thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- VPCP, Bộ NN&PTNT;
- Cục KSTTHC - VPCP;
- TTTU, TT HỒNDTP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Các PCVP UBND TP;
- Đài PT&TH HP, Báo HP, CĐ ANHP;
- Công TTĐTTP;
- Các Phòng: KSTTHC, NNTN&MT;
- Lưu: VT, KSTTHC5

CHỦ TỊCH

(Handwritten signature)
Nguyễn Văn Tùng

DANH MỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC
TRỒNG TRỌT THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
(Kèm theo Quyết định số: 3301 /QĐ-UBND ngày 19 / 9 /2024 của Chủ tịch UBND TP)

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

1. Thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân thành phố (01 TTHC)

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện TTHC			Căn cứ pháp lý
			Sở	UBND TP			Trực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích	
I. Lĩnh vực Trồng trọt (01 TTHC)										
1	1.012847	Thẩm định phương án sử dụng tầng đất mặt đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn 2 huyện trở lên	15 ngày	05 ngày	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024; - Quyết định số 3085/QĐ-BNN-TT ngày 13/9/2024.

2. Thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường (01 TTHC)

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện TTHC			Căn cứ pháp lý	
						Trực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích		
I. Lĩnh vực trồng trọt (01 TTHC)										
01	1.012848	Nộp tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn 2 huyện trở lên	- 07 ngày đối với Sở Tài nguyên và Môi trường - 05 ngày đối với Sở Tài chính - 30 ngày đối với người được	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024; - Quyết định số 3085/QĐ-BNN-TT ngày 13/9/2024.	

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện TTHC			Căn cứ pháp lý
						Trực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích	
			nhà nước giao đất, cho thuê đất thực hiện trách nhiệm nộp tiền tại cơ quan kho bạc theo thông báo của Sở Tài chính						

3. Thuộc thẩm quyền giải quyết cấp huyện (02 TTHC)

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện TTHC			Căn cứ pháp lý
			Huyện	UBND TP			Trực tiếp	Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích	
I. Lĩnh vực trồng trọt (02 TTHC)										
1	1.012849	Thẩm định phương án sử dụng tầng đất mặt đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn huyện	20 ngày		UBND cấp huyện	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024; - Quyết định số 3085/QĐ-BNN-TT ngày 13/9/2024.
2	1.012850	Nộp tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn	- 12 ngày đối với cấp huyện - 30 ngày đối với người được nhà nước giao		UBND cấp huyện	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024; - Quyết định số 3085/QĐ-BNN-TT ngày 13/9/2024.

		huyện	đất, cho thuê đất thực hiện trách nhiệm nộp tiền tại cơ quan kho bạc theo thông báo của cơ quan Tài chính cấp huyện						
--	--	-------	---	--	--	--	--	--	--

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
Thuộc thẩm quyền giải quyết cấp xã (01 TTHC)

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung và thay thế TTHC	Nội dung được sửa đổi, bổ sung
I. Lĩnh vực trồng trọt (01 TTHC)				
1	1.008004	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa	Điều 8 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa	<ol style="list-style-type: none"> Tên TTHC được sửa đổi từ “Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa” Mục 1.1. Trình tự thực hiện được sửa đổi, bổ sung các nội dung Bước 1, Bước 2, Bước 3. Mục 1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ được sửa đổi nội dung sau: Bản Đăng ký chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP. Mục 1.7. Kết quả thực hiện TTHC được sửa đổi, bổ sung nội dung sau: - Văn bản chấp thuận chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa theo mẫu tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP; - Văn bản không chấp thuận bản đăng ký chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa theo mẫu Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP. Mục 1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai được sửa đổi nội dung sau: Bản Đăng ký chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết về đất trồng lúa. Mục 1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có): sửa nội dung có quy định thành “không quy định”

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung và thay thế TTHC	Nội dung được sửa đổi, bổ sung
				7. Mục 1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính sửa đổi nội dung sau: - Điều 8 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết về đất trồng lúa; - Quyết định số 3085/QĐ-BNN-TT ngày 13/9/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực trồng trọt thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.